

Câu 1: Vấn đề cơ bản của triết học là gì? Trình bày nội dung vấn đề cơ bản của triết học?

Định nghĩa:

- Theo Ăngghen: “Vấn đề cơ bản của mọi triết học, đặc biệt là triết học hiện đại, là vấn đề mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay giữa vật chất và ý thức”.

Hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học:

- Mặt thứ nhất:
 - Giữa vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?
 - Chủ nghĩa duy vật:
 - Vật chất là cái tồn tại trước, vật chất quyết định và sản sinh ý thức.
 - Chủ nghĩa duy vật thời cổ đại: mang tính chất phác, giải thích thế giới bằng chính bản thân nó.
 - Chủ nghĩa duy vật thế kỷ 17-18: mang tính máy móc, siêu hình, coi cả thế giới như một cỗ máy khổng lồ mà mỗi bộ phận trong nó là tĩnh tại, độc lập.
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng:
 - Được Mác và Ăngghen xây dựng và phát triển bởi Lênin.
 - Mang tính khoa học vì nó vận dụng triệt để những thành tựu khoa học kỹ thuật đương thời, phản ánh thực tại khách quan như chính bản thân nó tồn tại.
 - Trở thành công cụ cho lực lượng tiến bộ trong xã hội cải biến thực tại.
 - Chủ nghĩa duy tâm:
 - Ý thức, tinh thần là cái tồn tại trước, ý thức quyết định sản sinh vật chất.
 - Chủ nghĩa duy tâm chủ quan: phủ định sự tồn tại của hiện thực, khẳng định mọi sự vật, hiện tượng chỉ là sự phức hợp của cảm giác.
 - Chủ nghĩa duy tâm khách quan: tồn tại thực thể tinh thần to lớn (như là ý chí thế giới) chi phối toàn bộ thế giới, sinh ra thế giới.
 - Về bản chất chủ nghĩa duy tâm chủ quan, khách quan đều giống nhau, chỉ khác nhau về hình thức.
 - Phân tích:
 - Học thuyết nào coi ý thức hoặc tinh thần là bản nguyên của thế giới gọi là học thuyết nhất nguyên.
 - Học thuyết nhị nguyên: coi cả ý thức và tinh thần là bản nguyên của thế giới, song song sản sinh, tồn tại, không cái nào quyết định cái nào.
 - Khi giải thích thế giới, học thuyết nhị nguyên lúc dùng đến hiện tượng vật chất, lúc dùng đến hiện tượng ý thức.
 - Xét tới cùng, học thuyết nhị nguyên thuộc chủ nghĩa duy tâm.
- Mặt thứ hai:
 - Con người có khả năng nhận biết được thế giới hay không?
 - Thuyết khả tri:
 - Con người có khả năng nhận thức được thế giới.
 - Cảm giác, biểu tượng, ý niệm của con người có được về cơ bản là phù hợp với sự vật vật, hiện tượng.
 - Chủ nghĩa duy tâm còn cho rằng quá trình nhận thức của con người là quá trình hồi tưởng, trí óc tự sản sinh ra tri thức.
 - Thuyết bất khả tri:
 - Con người về nguyên tắc không hiểu được bản chất của đối tượng.
 - Kết quả nhận thức của con người về đối tượng chỉ là vẻ bề ngoài, hạn hẹp, cắt xén.
 - Không được phép đồng nhất những thứ bên ngoài ấy với bản chất của đối tượng.

- Con người không thể đạt tới thực tại tuyệt đối, phủ nhận vô hạn nhận thức của con người.

Câu 2: Tại sao mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay giữa vật chất và ý thức là vấn đề cơ bản của triết học?

Định nghĩa:

- Theo Ăngghen: “Vấn đề cơ bản của mọi triết học, đặc biệt là triết học hiện đại, là vấn đề mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay giữa vật chất và ý thức”.

Hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học:

- Mặt thứ nhất: “Giữa vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?”
- Mặt thứ hai: “Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?”

Giải thích:

- Trong thế giới có vô vàn hiện tượng khác nhau, nhưng nhìn chung chỉ có 2 hiện tượng chính: vật chất và ý thức.
- Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ bao trùm sự phát triển toàn thể giới. Giải quyết mối quan hệ này là cơ sở nền tảng để giải quyết những vấn đề cơ bản của triết học.
- Giải quyết mối quan hệ này cũng là cơ sở để phân định lập trường, thế giới quan của các nhà triết học cũng như học thuyết của họ. Tất cả những nhà triết học đều trực tiếp hoặc gián tiếp giải quyết mối quan hệ này.

Câu 3: Tại sao nói triết học Mác ra đời là một tất yếu lịch sử?

Phân tích:

- Sự xuất hiện của triết học Mác là một cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học.
- Đây là kết quả tất yếu của sự phát triển tư tưởng triết học và khoa học của nhân loại, trong sự phụ thuộc những điều kiện kinh tế - xã hội, mà trực tiếp là đấu tranh giai cấp vô sản và tư sản.
- Đó cũng là kết quả của sự thống nhất giữa điều kiện khách quan về nhân tố chủ quan của Mác và Ăngghen.

Điều kiện kinh tế xã hội:

- Sự củng cố và phát triển của tư bản chủ nghĩa:
 - Vào những năm 40 của thế kỷ 19, lực lượng, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.
 - Của cải vật chất tạo ra trong một thế kỷ bằng tất cả thế hệ trước gộp lại.
 - Của cải xã hội tăng lên, bình đẳng xã hội không được đáp ứng dẫn tới bất công xã hội, đối kháng xã hội sâu sắc hơn.
- Sự xuất hiện của giai cấp vô sản, lực lượng chính trị xã hội độc lập:
 - Cùng nhau lật đổ chế độ phong kiến, xác lập chủ nghĩa tư bản nhưng tư sản lại chiếm giữ địa vị thống trị, vô sản thì bị trị, khiến mâu thuẫn cao trào, trở thành đấu tranh giai cấp.
 - Giai cấp vô sản trở thành lực lượng cách mạng, đấu tranh cho nền dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Thực tiễn cách mạng vô sản là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời của triết học Mác:
 - Thực tiễn cách mạng đòi hỏi phải soi sáng bởi lý luận, triết học.
 - Từ đó xuất hiện những trào lưu triết học phê phán xã hội đương thời, yêu cầu thay thế nó bằng xã hội mới tốt đẹp hơn.
 - Mác và Ăngghen đã sáng tạo ra lý luận kết hợp hữu cơ tính cách mạng và tính khoa học, giải đáp bằng lý luận những vấn đề thời đại mà trong đó triết học đóng vai trò là cơ sở lý luận chung.

Tiên đề lý luận:

- Triết học cổ điển Đức:
 - Chủ nghĩa duy tâm của Hêghen:

- Phê phán quan điểm duy tâm, cải tạo, lột bỏ cái vỏ thần bí.
- Xây dựng lý luận mới của phép biện chứng - phép biện chứng duy vật.
- Chủ nghĩa duy vật của Phơbách:
 - Phê phán quan điểm duy vật siêu hình về tự nhiên và duy tâm về xã hội.
 - Kế thừa chủ nghĩa duy vật để xây dựng chủ nghĩa duy vật triệt để.
- Kinh tế chính trị cổ điển Anh:
 - Kế thừa và cải tạo kinh tế chính trị học với những đại biểu xuất sắc: Adam Smith, David Ricardo.
 - Giúp Mác hoàn thiện quan niệm duy vật lịch sử, xây dựng học thuyết kinh tế riêng của mình.
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp:
 - Mác kế thừa những giá trị tích cực trong mô hình xã hội của các nhà không tưởng.
 - Đây là nguồn gốc lý luận trực tiếp của học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tiên đề khoa học tự nhiên:

- Bởi sự kháng khí giữa triết học và khoa học, sự phát triển của tư duy triết học phải dựa trên cơ sở tri thức do khoa học cụ thể đem lại.
- Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.
- Học thuyết tiến hoá.
- Học thuyết tế bào.

Kết luận:

- Triết học Mác cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác ra đời là một tất yếu lịch sử không những bởi đời sống thực tiễn, nhất là thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân, đòi hỏi phải có lý luận soi đường, mà còn vì những tiên đề cho sự ra đời lý luận mới đã được nhân loại tạo ra.

Câu 4: Phân tích định nghĩa vật chất của Lênin và rút ra ý nghĩa khoa học của định nghĩa?

Quan niệm chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất:

- Thời cổ đại: đồng nhất vật chất với dạng tồn tại cụ thể của nó, quan điểm vật chất mang tính trực quan, cảm tính.
- Thế kỷ 17-18: đồng nhất vật chất với thuộc tính của vật chất, quan điểm vật chất mang tính máy móc, siêu hình.

Hoàn cảnh ra đời định nghĩa:

- Trong tình hình cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, nhiều phát kiến mới trong lĩnh vực vật lý, điển hình là sự phát hiện của những dạng phần tử nhỏ hơn cả “nguyên tử” (tia X, hiện tượng phóng xạ,...) đã làm lung lay không ít nhà khoa học và triết học đứng trên lập trường chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- Nhân cơ hội đó, chủ nghĩa duy tâm truyền bá tư tưởng vật chất tiêu tan, đánh thẳng vào nền tảng chủ nghĩa Mác nhằm xoá bỏ, thay thế chủ nghĩa Mác.
- Trước tình hình đó, Lênin đưa ra định nghĩa kinh điển về vật chất.

Nội dung định nghĩa:

- Vật chất là phạm trù triết học chỉ thực tại khách quan, đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của con người chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác.

Phân tích nội dung định nghĩa:

- Thứ nhất, vật chất là phạm trù triết học chỉ thực tại khách quan:
 - Phạm trù triết học là những khái niệm chung nhất phản ánh những mặt, thuộc tính, mối liên hệ cơ bản trong mọi lĩnh vực.
 - “thực tại” chỉ sự tồn tại, “khách quan” chỉ sự không phụ thuộc tư duy, ý thức.

- Khẳng định trên có ý nghĩa phê phán thế giới quan duy tâm, giải phóng khoa học khỏi cuộc khủng hoảng thế giới quan, khuyến khích các nhà khoa học đi sâu tìm hiểu vật chất, khám phá ra những thuộc tính mới, kết cấu mới của vật chất, không ngừng làm phong phú tri thức của con người về thế giới.
- Thứ hai, vật chất đem lại cho con người trong cảm giác:
 - Vật chất luôn biểu hiện sự tồn tại của mình dưới dạng các “thực thể”, trực tiếp hoặc gián tiếp tác động vào giác quan con người, đem lại cho con người cảm giác.
 - Bất cứ thứ gì tồn tại khách quan, hiện thực ở bên ngoài, độc lập với ý thức thì nó vẫn là vật chất.
 - Chủ nghĩa duy vật biện chứng bàn đến vật chất trong mối quan hệ với tư duy, ý thức con người: vật chất là cái có trước, là cội nguồn của ý thức, còn ý thức là cái có sau, là cái phụ thuộc vật chất.
- Thứ ba, vật chất được cảm giác chép lại, tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác:
 - Các hiện tượng tinh thần chỉ là sự “chụp lại, chép lại và phản ánh” một cách liên tục của ý thức con người về hiện thực khách quan.
 - Nguồn gốc, nội dung phản ánh của ý thức là do vật chất quyết định.
 - Như vậy, trong thế giới vật chất không gì là không thể biết, sự phát triển của khoa học kéo dài tri giác con người, gạt bỏ giới hạn nhân thức.

Ý nghĩa khoa học của định nghĩa:

- Giải quyết triệt để hai mặt của vấn đề cơ bản của triết học.
- Khắc phục hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật siêu hình.
- Cung cấp căn cứ khoa học để nhận biết vật chất, tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục những hạn chế duy tâm trong quan niệm xã hội.